

Số: /2017/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định thời hạn gửi, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày /12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã; Thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách của Ủy ban nhân dân các cấp đến cơ quan tài chính cấp trên, các Ban của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày /12/2017 về quy định thời hạn gửi, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Báo cáo quyết toán ngân sách năm của đơn vị dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Kho bạc nhà nước các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

## 2. Đối tượng áp dụng.

Đơn vị dự toán ngân sách, Kho bạc nhà nước, cơ quan tài chính các cấp và ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

### **Điều 2. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách năm đối với đơn vị dự toán cho cơ quan tài chính cùng cấp.**

1. Cấp xã : Trước ngày 15 tháng 01 năm sau

2. Cấp huyện :

a) Đối với đơn vị dự toán cấp I (không có đơn vị dự toán trực thuộc) : Trước ngày 31 tháng 01 năm sau

b) Đối với đơn vị dự toán cấp I (có đơn vị dự toán trực thuộc) : Trước ngày 28 tháng 02 năm sau.

3. Cấp tỉnh.

a) Đối với đơn vị dự toán cấp I (không có đơn vị dự toán trực thuộc): trước ngày 28 tháng 2 năm sau.

b) Đối với đơn vị dự toán cấp I (có dưới 30 đơn vị dự toán trực thuộc) : Trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

c) Đối với đơn vị dự toán cấp I (có từ trên 30 đơn vị dự toán trực thuộc) : Trước ngày 15 tháng 4 năm sau.

### **Điều 3. Thời hạn xét duyệt quyết toán năm của cơ quan tài chính cùng cấp đối với đơn vị dự toán.**

1. Thời hạn xét duyệt quyết toán năm của cơ quan tài chính cùng cấp đối với đơn vị dự toán cấp I (không có đơn vị dự toán trực thuộc).

a) Cấp xã : Trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

b) Cấp huyện : Trước ngày 28 tháng 02 năm sau.

c) Cấp tỉnh : Trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

2. Thời hạn xét duyệt quyết toán năm của cơ quan tài chính cùng cấp đối với đơn vị dự toán cấp I (có đơn vị dự toán trực thuộc).

a) Cấp xã : Trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

b) Cấp huyện : Trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

c) Cấp tỉnh : Trước ngày 30 tháng 4 năm sau.

### **Điều 4. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư của Kho bạc Nhà nước cho cơ quan tài chính cùng cấp.**

1. Cấp huyện : Trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

2. Cấp tỉnh : Trước ngày 15 tháng 5 năm sau.

**Điều 5. Thời hạn thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư của cơ quan tài chính các cấp; thời hạn thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách địa phương hàng năm của cơ quan tài chính cấp trên đối với ngân sách cấp dưới.**

1. Thời hạn thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư của cơ quan tài chính các cấp.

- a) Cấp xã : Trước ngày 15 tháng 2 năm sau.
- b) Cấp huyện : Trước ngày 30 tháng 4 năm sau.
- c) Cấp tỉnh : Trước ngày 31 tháng 7 năm sau.

2. Thời hạn thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách địa phương hàng năm của cơ quan tài chính cấp trên đối với ngân sách cấp dưới.

- a) Cấp huyện (đối với cấp xã) : Trước ngày 31 tháng 3 năm sau.
- b) Cấp tỉnh (đối với cấp huyện) : Trước ngày 30 tháng 6 năm sau.

## **Điều 6. Về mẫu biểu.**

**1. Biểu mẫu quyết toán ngân sách.**

a) Đơn vị dự toán ngân sách các cấp.

Các mẫu biểu theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, gồm: Mẫu biểu số 58, 59, 69; các mẫu biểu số B01/BCQT, F01-01/BCQT, F01-02/BCQT, B02/BCQT, B03/BCQT theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

Các cơ quan trực tiếp quản lý Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách : Báo cáo theo Mẫu biểu số 63 theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Các mẫu biểu theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, gồm: Mẫu biểu số 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 và báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách hàng năm.

Các mẫu biểu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ, gồm: Mẫu biểu số 48, 50, 51, 52, 54, 55, 56, 57, 61, 62, 63, 64. Ngoài các mẫu biểu nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo thêm các mẫu biểu sau: Mẫu biểu số 49, 53, 58, 59, 60.

**2. Biểu mẫu quyết toán vốn đầu tư.**

Mẫu biểu theo quy định tại khoản 7, Điều 5 Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày            tháng 12 năm 2017, áp dụng từ năm ngân sách 2017. Thay thế Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc thời gian gửi, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- TTr.Tỉnh ủy;
- TTr.HĐND tỉnh; Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH Tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND cấp huyện;
- Báo BR-VT, Đài PT-TH tỉnh; TT Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu VT, TH.